

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: Trung Sơn - Lương Sơn - Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2017



Gồm các biểu:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 4/2017	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61,505,311,134	56,786,757,781
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	214,868,312	264,774,241
1. Tiền	111		214,868,312	264,774,241
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41,836,661,378	32,415,596,261
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	27,898,359,469	16,433,130,429
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9,982,179,786	12,026,343,709
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1,500,000,000	1,500,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3,503,402,000	3,503,402,000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,047,279,877)	(1,047,279,877)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		19,444,969,698	24,026,083,818
1. Hàng tồn kho	141	- V.7	19,444,969,698	24,026,083,818
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,811,746	80,303,461
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8,811,746	80,303,461
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 4/2017	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24,361,328,634	26,346,099,838
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9,128,460,500	9,128,460,500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	9,128,460,500	9,128,460,500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		15,188,353,427	17,143,467,131
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	15,188,353,427	17,143,467,131
- Nguyên giá	222		23,174,296,151	23,174,296,151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,985,942,724)	(6,030,829,020)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		44,514,707	74,172,207
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	44,514,707	74,172,207
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		85,866,639,768	83,132,857,619

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 4/2017	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		17,376,391,713	15,789,851,513
I. Nợ ngắn hạn	310		17,376,391,713	15,789,851,513
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	11,644,877,111	9,896,104,561
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	616,222,144	718,247,144
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1,367,617,037	1,247,664,925
4. Phải trả người lao động	314		35,075,000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	398,824,563	82,567,056
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	176,672,497	124,531,466
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	2,897,167,000	3,480,800,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	239,936,361	239,936,361
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 4/2017	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68,490,248,055	67,343,006,106
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	68,490,248,055	67,343,006,106
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55,773,000,000	55,773,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55,773,000,000	55,773,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		287,923,633	287,923,633
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12,429,324,422	11,282,082,473
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		12,429,324,422	3,566,703,890
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1,147,241,949	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		85,866,639,768	83,132,857,619

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Ký Thay Kế toán trưởng

Nam
Nguyễn Thị Phạm



Chủ tịch HĐQT

Phạm Vũ Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2017	Quý 4/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2,353,225,000	12,994,218,645	19,883,641,492	60,219,832,080
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	0
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,353,225,000	12,994,218,645	19,883,641,492	60,219,832,080
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,578,312,012	9,678,343,427	15,468,854,750	49,228,524,931
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		774,912,988	3,315,875,218	4,414,786,742	10,991,307,149
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9,759	104,617	117,171	306,040,580
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	74,038,707	853,103	321,030,412	133,454,668
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		74,038,707		246,045,445	130,517,217
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	8,954,545	26,003,409	14,318,182	356,688,600
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	615,501,993	771,253,751	2,803,344,607	1,431,768,341
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		76,427,502	2,517,869,572	1,276,210,712	9,375,436,120
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	-	-	-	987,846,786
12.	Chi phí khác	32	VI.8	-	3,130,842	-	1,889,633,547
13.	Lợi nhuận khác	40		-	(3,130,842)	-	-901,786,761
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		76,427,502	2,514,738,730	1,276,210,712	8,473,649,359
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.12	6,496,379	251,473,873	119,986,218	758,270,776
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	0
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		69,931,123	2,263,264,857	1,156,224,494	7,715,378,583
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		405.80	207.31	1,383
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	12.54	-		

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Ký Thay Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thị Phạm



Phạm Vũ Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	7,917,145,860	40,042,682,296
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	-7,890,744,663	(34,785,445,331)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(368,744,663)	(153,695,825)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(847,880)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(50,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	937,782,674	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(373,793,000)	(1,865,324,905)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	221,646,208	3,187,368,355
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	80,863	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	80,863	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	100,000,000	1,185,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(371,633,000)	(4,500,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(271,633,000)	(3,315,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(49,905,929)	(127,631,645)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	264,774,241	347,327,814
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	214,868,312	219,696,169

Người lập

Ký Thay Kế toán trưởng

Mam
Nguyễn Thị Phạm

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Chữ tích HĐQT



Phạm Vũ Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến, gia công chè; Bán buôn, bán lẻ chè và các mặt hàng nông, lâm sản; sản xuất, chế biến, gia công nông lâm sản; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết-thúc kỳ tài chính Công ty có 10 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 11 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí Công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

17. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	200.403.354	219.696.169
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.464.958	45.078.072
Cộng	<u>214.868.312</u>	<u>264.774.241</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>55.777.793</i>	<i>55.777.793</i>
Công ty TNHH Hiệp Khánh	55.777.793	55.777.793
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Ông Đậu Bá Phong	1.413.080.000	1.413.080.000
Bà Phạm Thị Hoàng Yến	1.130.140.000	1.130.140.000
Doanh nghiệp tư nhân chế biến thương mại Thiện Phương	22.423.863.137	9.397.699.637
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đại Thành Phát	0	1.465.200.000
Các khách hàng khác		2.971.232.999
Cộng	<u>27.898.359.469</u>	<u>16.433.130.429</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		<i>9.155.819.660</i>
Công ty TNHH Trà và Đặc sản Tây Bắc		9.155.819.660
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		<i>2.870.524.049</i>
Công ty TNHH chè Đại Thành		2.488.891.164
Các nhà cung cấp khác		381.632.885
Cộng		<u>12.026.343.709</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối quý 4-2017	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>		
Bà Nguyễn Thị Tâm		
Ông Nguyễn Đình Thắng		
<i>Cho cá nhân khác vay</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Thảo	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối quý 4-2017		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.503.402.000		3.503.402.000	
Tạm ứng	3.402.000		3.402.000	
Ký cược, ký quỹ	3.500.000.000		3.500.000.000	
Cộng	3.503.402.000		3.503.402.000	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý 4-2017		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.128.460.500		9.128.460.500	
Ký cược, ký quỹ	8.500.000.000		8.500.000.000	
Phải thu khác	628.460.500		628.460.500	
Cộng	9.128.460.500		9.128.460.500	

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối quý 4-2017		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác.</i>		1.186.651.741	139.371.864	1.186.651.741	139.371.864
Mr Ahmad Shad - Asah Safi LTD	Từ 3 năm trở lên	532.477.280		532.477.280	
Mr Raza Ahmed Kudia - Abdul Sttar Shakoor Kudia Ltd.,(KUD)	Từ 3 năm trở lên	135.308.960		135.308.960	
Mr Shams - Mashahir Shargh International TPT co LTD	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	390.670.400	117.201.120	390.670.400	117.201.120
Khách hàng khác	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	39.822.480	19.911.240	39.822.480	19.911.240
Khách hàng khác	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.531.680	2.259.504	7.531.680	2.259.504
Khách hàng khác	Từ 3 năm trở lên	80.840.941		80.840.941	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối quý 4-2017		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Cộng		1.186.651.741		1.186.651.741
		139.371.864		139.371.864

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Quý 4-2017	Năm trước
Số đầu năm	355.212.957	355.212.957
Trích lập dự phòng bổ sung	692.066.920	692.066.920
Số cuối năm	1.047.279.877	1.047.279.877

7. Hàng tồn kho

	Số cuối quý 4-2017		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu			4.089.939.567	
Công cụ, dụng cụ			513.371.600	
Thành phẩm			867.722.203	
Hàng hóa			18.555.050.448	
Cộng	19.444.969.698		24.026.083.818	

8. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị	Cộng
	Giá gốc	Dự phòng		
Nguyên giá				
Số đầu năm	11.568.934.724		11.605.361.427	23.174.296.151
Số cuối kỳ	11.568.934.724		11.605.361.427	23.174.296.151

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

Giá trị hao mòn

Số đầu năm			
Khấu hao trong kỳ			
Số cuối kỳ	3.698.063.244	4.287.879.480	7.985.942.724

Giá trị còn lại

Số đầu năm			
Số cuối kỳ	7.870.871.480	7.317.481.947	15.188.353.427

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

10a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Trà và Đặc sản Tây Bắc		
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		9.896.104.561
Công ty TNHH Chè Đại Thành		342.780.000
Công ty TNHH chè Shan Trúc Thanh		361.380.500
Nguyễn Thị Trường		7.868.435.000
DNTN chè xuất khẩu Thanh Quang		1.323.509.061
Các nhà cung cấp khác		
Cộng	11.644.877.111	9.896.104.561

10b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Sông Bôi	208.060.000	208.060.000
Trần Đức Thọ	300.500.000	300.500.000
Công ty TNHH chế biến Nông lâm sản Xuất khẩu Đại Hoa	90.904.450	90.904.450
Công ty Cổ phần Việt Mông	89.092.314	89.092.314
Công ty Sản xuất kinh doanh Bao bì Đông Phương Thái Bình	82.600.000	82.600.000
Các nhà cung cấp khác	120.460.325	130.460.325
Cộng	891.617.089	901.617.089

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	616.222.144	718.247.144
Mr Shakir - Aziz Kouchi Ltd (SHA)	124.820.850	124.820.850
Jan Faisal Ltd (JAN)	130.923.390	130.923.390
Aşşad Ullah - Wahid Samin Ltd	120.102.150	120.102.150
ALLAH MUHAMAD - ABED NAIKZAD LTD (MUH)	76.881.105	76.881.105
Các khách hàng khác	163.494.649	265.519.649
Cộng	616.222.144	718.247.144

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối quý 4-2017</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.239.343.693	0	113.489.839		1.352.833.532	
Các loại thuế khác						
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.321.232	0			8.321.232	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối quý 4-2017	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Cộng	1.247.664.925	1.247.664.925	111.664.986		1.359.329.911	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng trong nước	10%
- Hàng xuất khẩu	0%
- Sản phẩm qua sơ chế bán ở khâu kinh doanh thương mại	Không phải kê khai, tính nộp thuế

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Công ty đã được miễn thuế 2 năm là 2010 và 2011, giảm 50% trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2017.

Từ năm 2016, công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 17%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý 4-2017	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.473.649.359
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	0	19.800.291
- Các khoản điều chỉnh tăng	0	27.426.311
Lãi CLTG của tiền và phải thu năm trước đã thực hiện trong năm nay	0	19.070.973
Chi phí không được trừ	0	8.355.338
- Các khoản điều chỉnh giảm		(7.626.020)
Lãi CLTG của tiền và phải thu	(0)	(7.626.020)
Thu nhập chịu thuế		8.493.449.650
Thu nhập tính thuế		8.493.449.650
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		17%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông		1.443.886.441
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm		(721.943.221)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		721.943.220
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	0	36.327.556
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	6.496.379	758.270.776

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Bảo hiểm xã hội, YT, TN	176.672.497	124.531.466
Lãi vay phải trả		
Cộng	<u>176.672.497</u>	<u>2.195.241.227</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay ngắn hạn/dài hạn

15a. Vay ngắn hạn

	<u>Quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Ông Phạm Duy ⁽ⁱ⁾	2.846.167.000	3.480.800.000
Bà Thạch Thị Thùy Trang	51.000.000	
Cộng	<u>2.897.167.000</u>	<u>3.480.800.000</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- ⁽ⁱ⁾ Vay Ông Phạm Duy để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, thời hạn các hợp đồng vay dưới 3 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc chuyển nhượng tạm thời và phong tỏa cổ phần Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh thuộc sở hữu của một số cổ đông. (xem thuyết minh số VIII.1).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Quý 4-2017</u>
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.480.800.000	100.000.000	(312.000.000)	3.268.800.000
Cộng	<u>3.480.800.000</u>		<u>(312.000.000)</u>	<u>3.168.800.000</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	239.936.361	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		239.936.361
Số cuối năm	<u>239.936.361</u>	<u>239.936.361</u>

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	55.773.000.000		4.094.563.884	59.867.563.884
Lợi nhuận trong năm trước			7.715.378.583	7.715.378.583
Trích lập các quỹ		287.923.633	(527.859.994)	(239.936.361)
Số dư cuối năm trước	<u>55.773.000.000</u>		<u>11.282.082.473</u>	<u>67.343.006.106</u>
Số dư đầu năm nay	55.773.000.000		11.282.082.473	67.343.006.106
Lợi nhuận trong năm nay			1.147.241.949	1.147.241.949
Số dư cuối quý 2- 2017	<u>55.773.000.000</u>	<u>287.923.633</u>	<u>12.429.324.422</u>	<u>68.490.248.055</u>

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Phạm Vũ Khánh	5.600.000.000	5.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Thắm	4.600.000.000	4.600.000.000
Ông Phạm Vũ Tuấn	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư chuyên nghiệp Việt Nam	6.573.240.000	13.146.480.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3	0	5.890.000.000
Cổ đông khác	38.899.760.000	26.436.520.000
Cộng	<u>55.773.000.000</u>	<u>55.773.000.000</u>

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.577.300	5.577.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.577.300	5.577.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.577.300	5.577.300

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau:

VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trích quỹ đầu tư phát triển :
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi :

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	421,34	421,34

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	2.353.225.000	57.239.256.721
Doanh thu bán thành phẩm		2.980.575.359
Cộng	<u>2.353.225.000</u>	<u>60.219.832.080</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.353.225.000	47.252.459.364
Giá vốn của thành phẩm đã bán		1.976.065.567
Cộng	<u>1.353.225.000</u>	<u>49.228.524.931</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay	0	260.000.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.759	240.072
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	0	7.626.020
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		38.174.488
Cộng	<u>3.700</u>	<u>306.040.580</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	82.535.445	130.517.217
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	0	1.767.179
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tài chính khác		1.170.272
Cộng	74.912.988	133.454.668
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Số quý 3-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên		257.569.650
Chi phí khác	0	99.118.950
Cộng	0	356.688.600
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên		323.613.150
Chi phí đồ dùng văn phòng		65.153.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định		82.095.081
Thuế, phí và lệ phí		3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi		692.066.920
Các chi phí khác		265.839.351
Cộng	615.501.993	1.431.768.341
8. Thu nhập khác		
	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay được miễn giảm	0	987.846.786
Thanh lý công cụ dụng cụ		
Thu nhập khác		
Cộng	0	987.846.786
9. Chi phí khác		
	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý, nhượng bán		
Giá trị còn lại CCDC thanh lý, nhượng bán		
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội		8.259.587
Tiền phạt, truy thu thuế		8.355.338
Chi phí khấu hao TSCĐ		1.873.018.622
Chi phí khác		
Cộng		1.889.633.547
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.715.378.583
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(385.768.929)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		7.329.609.654
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.577.300	5.577.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		1.314

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		639.506.396
Chi phí nhân công	0	611.281.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định		82.095.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài		107.183.458
Chi phí khác		1.017.995.602
Cộng		2.458.062.337

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Trà và Đặc sản Tây Bắc	Ông Phạm Vũ Khánh là Chủ tịch Hội đồng thành viên
Công ty TNHH Hiệp Khánh	Ông Phạm Vũ Khánh là người đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Đầu tư chuyên nghiệp Việt Nam	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Chuyên nghiệp Việt Nam dùng 500.290 cổ phần thuộc sở hữu của mình tại công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh và Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 dùng 589.000 cổ phần thuộc sở hữu của mình tại Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh để bảo đảm cho khoản vay của Công ty với ông Phạm Duy (xem thuyết minh số V.15).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.10.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông sản, chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, tỷ trọng hàng xuất khẩu chiếm không đến 10% tổng doanh thu của Công ty.

3. Số liệu so sánh

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các cá nhân vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ				3.268.800.000
Phải trả người bán				
Cộng				3.268.800.000

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số quý 4-2017</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	421,34	421,34
Phải thu khách hàng	69.501,58	69.501,58
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	69.922,92	69.922,92

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối quý 4-2017		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.717.944		264.774.241	
Phải thu khách hàng	32.834.539.469	(1.047.279.877)	16.433.130.429	(1.047.279.877)
Các khoản cho vay	1.500.000.000		1.500.000.000	
Các khoản phải thu khác	628.460.500		628.460.500	
Cộng	34.984.717.913	(1.047.279.877)	18.826.365.170	((1.047.279.877))

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối quý 4-2017	Số đầu năm
Vay và nợ	3.268.800.000	3.480.800.000
Phải trả người bán	13.897.538.211	9.896.104.561
Các khoản phải trả khác		82.567.056
Cộng	17.166.338.211	13.459.471.617

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thông tin khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh tại Hà Nội, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập lại, một số khoản mục trên Bảng Cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh đã được phân loại lại cho phù hợp (xem thuyết minh số VIII.3).

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Ký thay kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Nam
Nguyễn Phú Thành

